

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 229/2017/HNGĐ-ST

Ngày 28-9- 2017

“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Luân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Quang Minh.

Ông Huỳnh Minh Giới.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 480/2017/TLST-HNGĐ ngày 25/8/2017 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án xét xử số 379/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Cẩm L, sinh năm: 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Ông Lê Chí N, sinh năm: 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/8/2017 và các lời khai tại tòa nguyên đơn bà Phan Cẩm L trình bày:

Về hôn nhân: Bà Phan Cẩm L và ông Lê Chí N kết hôn vào năm 2004, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống bà L và ông N phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông N thường hay nhậu (uống rượu), khi về kiểm chuyện cự cãi, đánh bà L, bà L bỏ nhà đi làm gần 02 năm nay. Xét thấy vợ chồng không thể tiếp tục sống chung nên bà L yêu cầu xin ly hôn với ông N.

Về con chung: Bà Phan Cẩm L và ông Lê Chí N có 02 con chung tên Lê Gia H, sinh ngày 24/4/2005, Lê Gia L, sinh ngày 19/7/2011 hiện đang sống với bà L. Con chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án xem xét.

Tại biên bản hòa giải ngày 07/9/2017 bị đơn ông Lê Chí N trình bày:

Ông thống nhất nội dung trình bày của bà L về hôn nhân, con chung là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn như bà L trình bày là đúng, vợ chồng ly thân gần 02 năm nay. Ông N không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Gia H, sinh năm 2005, Lê Gia L, sinh năm 2011 hiện đang sống với bà L. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì về con chung tự thỏa thuận.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Xét về thẩm quyền của Tòa án: Bị đơn ông Lê Chí N có nơi cư trú tại huyện T, nguyên đơn bà Phan Cẩm L khởi kiện xin ly hôn với ông N, nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28 và 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ đối với ông Lê Chí N nhưng ông N vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Lê Chí N là phù hợp với quy định.

[3] Xét về hôn nhân: Bà Phan Cẩm L và ông Lê Chí N kết hôn vào năm 2004, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T. Được thể hiện tại Giấy chứng nhận kết hôn số 286, quyển số 02/2004 ngày 09 tháng 7 năm 2004. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Phan Cẩm L và ông Lê Chí N là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa bà L và ông N phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông N thường hay nhậu khi về kiếm chuyện cự cãi, đánh bà L, bà L bỏ nhà đi làm gần 02 năm nay. Tại phiên Tòa, bà L vẫn giữ y nội dung yêu cầu xin ly hôn với ông N. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Phan Cẩm L và ông Lê Chí N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án chấp nhận cho bà Phan Cẩm L được ly hôn với ông Lê Chí N.

[4] Xét về con chung: Con chung tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Xét về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Phan Cẩm L phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28; Điều 35, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/NQ-

UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phan Cẩm L cho bà L được ly hôn với ông Lê Chí N.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình bà Phan Cẩm L phải chịu 300.000 đồng. Bà L có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007286 ngày 23/8/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Án xử công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện TVT;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Võ Minh Luân